



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Số 15/2022-2027/NQ – HĐQT

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (17/06/2020);
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kho vận Petec;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 04-2024/BB-HĐQT ngày 25/11/2024;

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1:** Thông qua nội dung Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm tài chính 2024 của Công ty từ ngày 01/04/2024 đến 30/09/2024.
- Điều 2:** Đồng ý thông qua chủ trương kinh doanh nông sản theo nguyên tắc không để mất vốn và có hiệu quả tùy thuộc vào khả năng tài chính của công ty theo từng phương án kinh doanh cụ thể.
- Điều 3:** Các Ông/Bà Hội đồng Quản trị, ban Kiểm soát, ban Điều hành và các nhân sự có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận,

- + HĐQT, BKS, BĐH;
- + Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HOÀNG MINH TUẤN

Số: 04-2024/BB-HĐQT

TP.HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2024



BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC
MÃ SỐ DOANH NGHIỆP 3700791715

I. Thời gian, địa điểm:

Thời gian: Từ 09h00' ngày 25/11/2024

Địa điểm: Chi nhánh TP.HCM - Công ty CP Kho vận PETEC số 81/15 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

II. Thành phần tham dự:

* Hội đồng quản trị:

- | | |
|-----------------------|------------------------------------|
| - Ông Hoàng Minh Tuấn | - Chủ tịch HĐQT – Chủ trì cuộc họp |
| - Ông Trịnh Anh Tuấn | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Huỳnh Xuân Hồng | - Thành viên HĐQT |

* Ban Kiểm soát:

- | | |
|--------------------------|------------------|
| - Ông Hoàng Anh Tuấn | - Trưởng BKS |
| - Ông Vũ Xuân Hiền | - Thành viên BKS |
| - Bà Trần Thị Thanh Thủy | - Thành viên BKS |

* Ban Điều hành:

- | | |
|---------------------|------------------|
| - Ông Lý Hoài Nam | - Phó Giám đốc |
| - Ông Mai Huy Hoàng | - Kế toán trưởng |

* Thư ký cuộc họp

- Ông Phạm Thông Minh

III. Nội dung cuộc họp:

1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 06 tháng đầu năm tài chính 2024 từ ngày 01/04/2024 đến 30/09/2024.
2. Thảo luận và cho ý kiến về một số vấn đề quan trọng khác.

IV. Diễn biến cuộc họp:

Theo Điều lệ của Công ty thì cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 25/11/2024 là hợp pháp và hợp lệ với tỷ lệ thành viên HĐQT tham dự cuộc họp là 100% (3 người).

100% thành viên tham dự cuộc họp thống nhất nội dung họp như sau:

- + Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 06 tháng đầu năm tài chính 2024 từ ngày 01/04/2024 đến 30/09/2024.
- + Thảo luận và cho ý kiến về một số vấn đề quan trọng khác.

Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát đã tham gia thảo luận, phân tích một số nội dung:

- HĐQT ghi nhận nỗ lực của Ban Điều hành đã duy trì ổn định mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhất là mảng kinh doanh xăng dầu trong điều kiện thị trường và giá xăng dầu có nhiều biến động bất lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp bán lẻ.
- Đề nghị Ban Điều hành tiếp tục nghiên cứu thông tin, theo dõi diễn biến thị trường nông sản để nắm bắt cơ hội tham gia thị trường khi điều kiện cho phép.
- Đề nghị Ban Điều hành trong 06 tháng còn lại của năm tài chính 2024 tiếp tục nỗ lực để hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận cao nhất có thể.

V. Kết luận:

Sau khi đã thảo luận, phân tích các nội dung đã trình bày trong cuộc họp, 3/3 (tỷ lệ 100%) thành viên HĐQT đã thống nhất kết luận như sau:

- Đồng ý với số liệu báo cáo kết quả hoạt động SXKD 06 tháng đầu năm tài chính 2024 từ ngày 01/04/2024 đến 30/09/2024.
- Đồng ý thông qua chủ trương kinh doanh nông sản theo nguyên tắc không để mất vốn và có hiệu quả tùy thuộc vào khả năng tài chính của công ty theo từng phương án kinh doanh cụ thể.



Cuộc họp kết thúc vào lúc 10h30' cùng ngày. Biên bản này gồm 03 trang và được lập thành 03 bản: 01 bản lưu tại Hội đồng quản trị; 01 bản lưu tại văn thư của Công ty; 01 bản lưu tại Ban Kiểm soát. Biên bản này đã được đọc lại cho các thành viên cùng nghe, các thành viên dự cuộc họp này thống nhất và đồng ý ký tên dưới đây.

CÁC THÀNH VIÊN THAM DỰ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Huỳnh Xuân Hồng



Hoàng Minh Tuấn

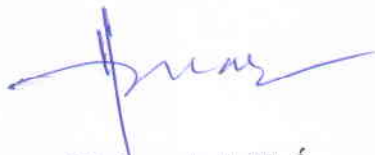


Trịnh Anh Tuấn

BAN KIỂM SOÁT



Vũ Xuân Hiền



Hoàng Anh Tuấn



Trần Thị Thanh Thủy

BAN ĐIỀU HÀNH



Lý Hoài Nam



Mai Huy Hoàng

THƯ KÝ CUỘC HỌP



Phạm Thông Minh



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/9/2024

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2024	1/4/2024
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.309.283.821	4.238.050.763
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.156.983.615	851.508.531
1. Tiền	111		656.983.615	851.508.531
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.703.466.877	2.182.575.131
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		9.201.152.175	9.471.501.396
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.009.378.512	10.119.494.545
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		858.025.639	956.668.639
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(18.365.089.449)	(18.365.089.449)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		444.357.604	1.147.631.382
1. Hàng tồn kho	141		444.357.604	1.147.631.382
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.475.725	56.335.719
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.475.725	56.335.719
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		22.917.305.728	23.539.306.922
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		195.000.000	195.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		195.000.000	195.000.000
II. Tài sản cố định	220		17.434.690.030	18.157.438.880
1. TSCĐ hữu hình	221		7.264.559.261	7.817.805.933
- Nguyên giá	222		31.325.174.903	31.325.174.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.060.615.642)	(23.507.368.970)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			

- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227		10.170.130.769	10.339.632.947
- Nguyên giá	228		14.012.180.139	14.012.180.139
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.842.049.370)	(3.672.547.192)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí XD CB dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.565.718.800	4.565.718.800
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.000.000.000	10.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.554.567.000	11.554.567.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.988.848.200)	(16.988.848.200)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		721.896.898	621.149.242
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		721.896.898	621.149.242
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	250		26.226.589.549	27.777.357.685

NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		13.524.494.028	17.432.075.685
I. Nợ ngắn hạn	310		7.711.993.628	10.448.111.285
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		57.006.384	818.742.812
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		80.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		462.654.539	2.202.125.071
4. Phải trả người lao động	314			
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		94.634.610	150.051.085
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.906.231.888	1.412.531.633
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		4.429.146.207	4.767.540.684
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		462.240.000	1.097.120.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		300.000.000	
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		5.812.500.400	6.983.964.400
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		5.812.500.400	6.983.964.400

8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		12.702.095.521	10.345.282.000
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.702.095.521	10.345.282.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.925.500.000	71.925.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.925.500.000	71.925.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.929.061.690	1.929.061.690
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(61.152.466.169)	(63.509.279.690)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(64.009.279.690)	(78.541.506.659)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.856.813.521	15.032.226.969
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	430		26.226.589.549	27.777.357.685

Lập biểu

Giám đốc

val

Lê Thi Quỳnh Trang



Huỳnh Xuân Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tháng 9 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Lũy kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	5.379.915.460	35.206.904.576
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-03)	10		5.379.915.460	35.206.904.576
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	4.168.247.130	28.116.372.196
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.211.668.330	7.090.532.380
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	53.349.304	102.817.848
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	9.725.399	92.282.582
- Trong đó : chi phí lãi vay	23		9.725.399	92.282.582
8. Chi phí bán hàng	24		239.732.991	1.310.496.034
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		425.164.426	2.633.758.091
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		590.394.818	3.156.813.521
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		590.394.818	3.156.813.521
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		300.000.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		590.394.818	2.856.813.521
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 09 năm 2024

Giám đốc


Thái Quỳnh Trang




GIÁM ĐỐC
Huỳnh Xuân Hồng

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 06 tháng đầu năm (01/04 - 30/09/2024):

Dvt: triệu đồng.

CHỈ TIÊU	Lũy kế 06 tháng từ (01/4/2023-30/9/2023)	Lũy kế 06 tháng từ (01/4/2024-30/9/2024)	Kế hoạch	
			Số KH	% TH/KH
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.357	35.207	76.400	46,1
2. Giá vốn hàng bán	24.464	28.116	63.000	44,6
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.892	7.091	13.400	52,9
4. Doanh thu hoạt động tài chính	91	103		
5. Chi phí tài chính	1.142	92		
5.1 Chi phí lãi vay	1.142	92		
5.2 Chênh lệch tỷ giá	-			
6. Chi phí bán hàng - kinh doanh xăng dầu	1.136	1.310	2.800	46,8
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.379	2.634	5.600	47,0
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.327	3.157	5.000	63,1
9.Thu nhập khác, lãi đầu tư tài chính.	15			
10. Chi phí khác	-			
11.Lợi nhuận khác	15			
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.342	3.157	5.000	63,1
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	10	300	1.000	30,0
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.332	2.857	4.000	71,4
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu				
17. Khấu hao TSCĐ	825	723		

(*Ghi chú:* Báo cáo kết quả Hoạt động kinh doanh và Bảng cân đối kế toán được gửi đính kèm)



1/ Đánh giá về việc thực hiện kế hoạch năm 2024:

Trên cơ sở thực tế kết quả SXKD và thực hiện kế hoạch 06 tháng đầu năm 2024 (lợi nhuận 3.157 trđ, đạt 63.1% so với kế hoạch là 5.000 trđ), ban Điều hành đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch 2024 như sau:

- Tác động của những yếu tố chủ yếu đối với kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2024:
 - Về kinh doanh cho thuê và dịch vụ tại kho: trong điều kiện kho đã được cho thuê lấp đầy diện tích kể từ 01/08/2022, doanh thu cho thuê và dịch vụ tại kho trong 06 tháng cuối năm tài chính 2024 là tương đương với 06 tháng đầu năm.
 - Kinh doanh xăng dầu 06 tháng đầu năm khá khả quan, bán buôn: lợi nhuận gộp 196 trđ/700 m³ tương đương 280 đ/l, bán lẻ lợi nhuận gộp 700 trđ/632 m³ tương đương 1.106 đ/l, tổng lợi nhuận gộp đạt 896 trđ cao hơn 62 trđ so với kết quả đạt được 834 trđ của cùng kỳ năm trước. Trong điều kiện kinh doanh xăng dầu có nhiều biến động không lường trước được như hiện nay, kỳ vọng kết quả kinh doanh xăng dầu 06 tháng cuối năm sẽ đạt mức lợi nhuận gộp bằng 80% so với đầu năm và đóng góp vào lợi nhuận chung giảm 180 trđ so với 6 tháng đầu năm.
 - Chi phí tài chính 06 tháng đầu năm 2024 là: 92 trđ, dư nợ vay hiện tại của Cty là 20.5 tỷ đồng (lãi suất vay 9,0%/năm), đến cuối tháng 09/2024 Công ty đã thanh toán dứt điểm các khoản vay ngân hàng. Căn cứ điều kiện kinh doanh hiện tại của Công ty, hiện hạn mức vay vẫn được duy trì và thực hiện các khoản vay với thời hạn vay ngắn, cùng với việc bắt đầu có tích lũy về tài chính, thực hiện các khoản tiền gửi tiết kiệm với thời hạn dài để nhằm tạo doanh thu tài chính. Trước mắt, kỳ vọng khoản doanh thu tài chính trong năm 2024 bù đắp được chi phí tài chính và bắt đầu phát sinh lợi nhuận.
 - Trên cơ sở quỹ lương kế hoạch 2024 là 7.000 trđ và tổng chi 06 tháng đầu năm 2024: 3.140 trđ, chi phí lương 6 tháng cuối năm sẽ làm tăng chi phí chung lên 700 trđ so với 6 tháng đầu năm.

- Với kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm, đạt lợi nhuận 3.157 trđ và dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2024 với những yếu tố tác động chủ yếu trên (lợi nhuận gộp xăng dầu giảm 180 trđ, chi phí tăng 700 trđ, chi phí tài chính giảm 90 trđ) khả năng tổng lợi nhuận đạt mức 5.500 trđ/5.000 trđ kế hoạch, ban Điều hành Cty đánh giá khả năng vượt mức kế hoạch năm 2024 là 10% (đạt 110% kế hoạch).

2/ Một số vấn đề khác:

*** Về việc ký hợp đồng và hạn mức tín dụng mới với Ngân hàng OCB:**

Hợp đồng và hạn mức tín dụng năm 2023 sẽ hết hạn vào tháng 01//12/2024. OCB đã gửi thông báo V/v tiếp tục ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp cho năm tiếp theo, một số nội dung chủ yếu bao gồm: hạn mức vay 20 tỷ, lãi vay điều chỉnh theo chu kỳ 03 tháng và được tính theo công thức: lãi suất cơ sở kỳ hạn 03 tháng của OCB + biên độ 3,2%. Ban Điều hành đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để tiến hành ký các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Theo hợp đồng tín dụng cũ thì OCB chỉ tài trợ cho 02 khoản mục là: kinh doanh xăng dầu và thanh toán lương cho CBCNV, nhằm chuẩn bị cho việc phát triển thêm ngành hàng kinh doanh trong điều kiện cho phép, ban Điều hành đề xuất bổ sung thêm 01 khoản mục là: kinh doanh nông sản, trong khoản mục tài trợ của OCB.

*** Về các khoản mục đầu tư – mua sắm:**

STT	Khoản mục (đầu tư – mua sắm)	Chi phí đầu tư – mua sắm dự kiến (Triệu đồng)	Thực hiện kế hoạch đầu tư – mua sắm (Triệu đồng)
01	Gia cố và thăm lại 11.000m2 hệ thống đường nội bộ trong kho.	2.000	Dự kiến sẽ thực hiện vào trước tết âm lịch 2025, sau khi kết thúc mùa mưa 01 tháng

02	Thay máy bơm PCCC từ 30HP lên 60HP và sửa chữa hệ thống ống nước PCCC.	900	Đã ký hợp đồng mua hệ thống máy bơm PCCC bao gồm: 01 máy bơm điện, 01 máy bơm DO, 01 máy bơm bù áp...tổng chi phí: 308 trđ. Tiếp tục thực hiện thay thế hệ thống ống dẫn nước PCCC, máy báo cháy tự động, bom chữa cháy... dự kiến chi phí khoảng 200 trđ.
03	Đầu tư hệ thống điện mặt trời trên mái kho phục vụ cho nhu cầu sử dụng tại kho.	2.400	Sẽ triển khai sau khi nghị định mới về phát triển và kinh doanh điện mặt trời được ban hành
04	Trang bị xe ô tô mới thay thế cho xe cũ đã sử dụng trên 8 năm (giá mua tối đa)	1.300	Chuyển khoản mục mua sắm này sang năm tài chính 2025

Kính báo cáo HĐQT. 

Giám Đốc

Huỳnh Xuân Hồng



GIÁM ĐỐC
Huỳnh Xuân Hồng